

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/DS-ST

Ngày: 17-9-2020.

“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Nga.
2. Ông Nguyễn Tấn Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (viết tắt: Cty TNHH MTV) Vạn Hưng Đ.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông **Võ Quốc T**, sinh năm 1984 – Chức vụ Giám đốc.

Địa chỉ: Ấp X, xã Thanh T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Kim Điền P**, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Số Y, ấp Z, thị trấn Phú L, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Văn bản ủy quyền ngày 13/8/2020.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Mai Văn K**, sinh năm 1949 (có đơn xin vắng mặt).

2.2. Bà **Võ Thị A**, sinh năm 1953 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Vĩnh T, xã Vĩnh T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2019 của nguyên đơn Cty TNHH MTV Vạn Hưng Đ và lời khai tại Tòa án của đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Kim Điền P trình bày:

Năm 2015, Cty TNHH MTV Vạn Hưng Đ có bán vật tư nông nghiệp gồm phân bón, thuốc trừ sâu cho vợ chồng ông Mai Văn K, bà Võ Thị A. Đến ngày 05/3/2016, sau khi chốt nợ ông K, bà A thừa nhận còn nợ công ty số tiền 11.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ, ông K ký tên và thỏa thuận ngày 30/8/2017 sẽ trả đủ nợ, lãi suất 3%/tháng. Do hoàn cảnh khó khăn nên ông K, bà A cam kết lại ngày 30/8/2017 sẽ trả trước 4.000.000 đồng, tuy nhiên đến ngày 11/9/2017 ông K, bà A chỉ trả được 2.000.000 đồng, còn nợ lại 9.000.000 đồng đến nay chưa trả. Mặc dù, công ty đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông K, bà A nhiều lần tránh né đến nay chưa trả. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K, bà A trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ vốn 9.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng cụ thể: lãi tính từ ngày 05/3/2016 đến ngày 11/9/2017 tạm tính 19 tháng \times 11.000.000 đồng \times 1,66%/tháng = 3.469.400 đồng và lãi tính từ ngày 11/9/2017 đến ngày khởi kiện là 27 tháng \times 9.000.000 đồng \times 1,66%/tháng = 4.033.800 đồng. Tổng vốn và lãi yêu cầu bị đơn ông K, bà A trả cho nguyên đơn là 16.503.200 đồng, ngoài ra yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện về yêu cầu tính lãi, yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền lãi cụ thể: Lãi tính từ ngày 05/3/2016 đến ngày 11/9/2017 làm tròn 18 tháng \times 11.000.000 đồng \times 1,125%/tháng = 2.227.500 đồng và lãi tính từ ngày 12/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/9/2020 làm tròn 36 tháng \times 9.000.000 đồng \times 1,66%/tháng = 5.378.400 đồng, tổng lãi là 7.605.900 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng vốn và lãi là 16.605.900 đồng (trong đó vốn 9.000.000 đồng và lãi 7.605.900 đồng).

Tại biên bản xác minh ngày 20/8/2020 của Tòa án đối với bị đơn ông Mai Văn K, bà Võ Thị A, ông K, bà A có lời trình bày:

Vợ chồng ông bà thống nhất cách đây nhiều năm, khoảng năm 2015, 2016 có mua nợ vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc trừ sâu của Công ty Vạn Hưng Đ, có làm sổ theo dõi. Ngày 05/3/2016 hai bên có chốt nợ, vợ chồng ông, bà còn nợ công ty số tiền 11.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 30/8/2017 sẽ trả nợ. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên ngày 11/9/2017 đã trả được 2.000.000 đồng, còn nợ lại 9.000.000 đồng chưa thanh toán. Nay đồng ý trả cho công ty số tiền còn nợ vốn 9.000.000 đồng, xin trả trong 02 năm là dứt nợ. Riêng tiền lãi nguyên đơn yêu cầu ông, bà xin không tính lãi do điều kiện hoàn cảnh khó khăn. Thống nhất chứng cứ nguyên đơn cung cấp là biên nhận nợ ngày 05/3/2016 là do ông Mai Văn K ký tên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 9.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật, án phí bị đơn được miễn nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Mai Văn K, bà Võ Thị A có nơi cư trú tại ấp Vĩnh T, xã Vĩnh T, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông K, bà A, nhưng có đơn yêu Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện về việc tính lãi suất đối với bị đơn, cụ thể: Lãi tính từ ngày 05/3/2016 đến ngày 11/9/2017 làm tròn 18 tháng $\times 11.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} = 2.227.500 \text{ đồng}$ và lãi tính từ ngày 12/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/9/2020 làm tròn 36 tháng $\times 9.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 5.378.400 \text{ đồng}$, tổng lãi là 7.605.900 đồng. Xét yêu cầu thay đổi một phần nội dung khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Các đương sự đều thừa nhận, vợ chồng ông Mai Văn K, bà Võ Thị A có mua nợ vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc trừ sâu của Cty TNHH MTV Vạn Hưng Đ, đến ngày 05/3/2016 hai bên chốt nợ, số tiền bị đơn ông K, bà A còn nợ của nguyên đơn là 11.000.000 đồng, việc thỏa thuận có làm biên nhận và bị đơn ông K có ký tên. Đến ngày 11/9/2017 ông K, bà A đã trả được 2.000.000 đồng, hiện còn nợ lại vốn 9.000.000 đồng. Đây là sự kiện do các bên thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Tại phiên Tòa đại diện ủy quyền nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ vốn 9.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 05/3/2016 đến ngày 11/9/2017 làm tròn 18 tháng $\times 11.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} = 2.227.500 \text{ đồng}$ và tính lãi từ ngày 12/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/9/2020 làm tròn 36 tháng $\times 9.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 5.378.400 \text{ đồng}$, tổng lãi là 7.605.900 đồng. Tổng vốn và lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông K, bà A trả cho nguyên đơn là 16.605.900 đồng (trong đó vốn 9.000.000 đồng và lãi 7.605.900 đồng). Bị đơn ông K, bà A đồng ý trả vốn 9.000.000 đồng và xin không tính lãi do điều kiện hoàn cảnh khó khăn. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn không

đồng ý bỏ lãi. Xét thấy, do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả vốn và lãi là phù hợp quy định pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông K, bà A có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 16.605.900 đồng, trong đó vốn 9.000.000 đồng và lãi 7.605.900 đồng.

[2.3] Về thời gian trả nợ: Bị đơn ông K, bà A xin trả dần số tiền còn nợ trong 02 năm, tuy nhiên đại diện ủy quyền nguyên đơn không đồng ý cho trả dần, các bên không thỏa thuận được thời gian trả nợ. Xét yêu cầu của đương sự thuộc thẩm quyền giai đoạn thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông K, bà A có đơn xin miễn tiền án phí do là người cao tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận miễn toàn bộ án phí cho bị đơn ông K, bà A. Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên Hội đồng xử chấp nhận.

[5] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vạn Hưng Đ về việc đòi bị đơn ông Mai Văn K, bà Võ Thị A có nghĩa vụ liên đới trả tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ.

Buộc bị đơn ông Mai Văn K, bà Võ Thị A có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vạn Hưng Đ tổng số tiền còn nợ 16.605.900 đồng (mười sáu triệu sáu trăm lẻ năm nghìn chín trăm đồng), trong đó vốn 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) và lãi 7.605.900 đồng (bảy triệu sáu trăm lẻ năm nghìn chín trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Mai Văn K, bà Võ Thị A được miễn nộp toàn bộ tiền án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vạn Hưng Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp 412.000 đồng (bốn trăm mười hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009913 ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp